TAND HUYỆN L **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2018
V/v ly hôn giữa chị D và anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Minh Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 523/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị D, sinh năm 1988 "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Mộc Văn K, sinh năm 1989 " vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Ngô Thị D trình bày: Chị và anh Mộc Văn K đăng ký kết hôn ngày 05/7/2011 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm

hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị về gia đình anh K làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh K đã chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng và có 01 con chung. Từ cuối năm 2016 chị và anh K đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01con chung là Mộc Thị Hà V, sinh ngày 02/5/2012. Cháu V khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện đang ở với anh K. Ly hôn chị không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con nên không đề nghị giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị D.

Bị đơn, anh Mộc Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được Toà án giao, tống đạt các văn bản tố tụng thông qua bà Nguyễn Thị Là, là mẹ đẻ anh K theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh K không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Tại phiên tòa, anh K vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị D chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị D và anh Mộc Văn K. Về con chung, tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 của BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ngô Thị D và anh Mộc Văn K đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị D và anh K là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị D và anh K đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh K. Quá trình giải quyết vụ án anh K không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị D được ly hôn anh K.

Về nuôi con chung, tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị D và anh Mộc Văn K.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002879 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ … phút, ngày 28 tháng 02 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Minh Hải và bà Nguyễn Thị Hoan.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 523/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị D, sinh năm 1988 "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Mộc Văn K, sinh năm 1989 " vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị D và anh Mộc Văn K.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về án phí: Chị Ngô Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002879 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 28 tháng 02 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Minh Hải **Nguyễn Thị Hoan** **Tạ Thị Thu Thủy**